

BIỆN PHÁP SỰ PHẠM NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH MÙ HỌC HOÀ NHẬP Ở CẤP TIỂU HỌC

• TS. PHẠM MINH MỤC

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Trẻ khiếm thị ở nước ta chiếm tỉ lệ 13,73% tổng số trẻ khuyết tật, trong đó trẻ mù có khoảng 30.000 em. Đây là đối tượng gặp nhiều khó khăn trong học tập và trong cuộc sống hàng ngày. Tật mù ảnh hưởng rất lớn tới quá trình phát triển (kể cả thể chất và tâm lí) và các hoạt động sinh hoạt cũng như học tập của trẻ. Về phát triển thể chất: trẻ mù thường có hệ cơ bắp mềm nhẽo, kém phát triển, trương lực cơ kém; trẻ đi lại, di chuyển chập chạp, khó khăn thiếu tự tin và hay vấp ngã. Về phát triển tâm lí: lượng thông tin trẻ tiếp nhận từ môi trường bên ngoài bị suy giảm đáng kể, thông tin rời rạc, thiếu màu sắc, đường nét, đặc biệt không gắn với bản chất thực của sự vật, hiện tượng. Vì vậy, quá trình tri giác diễn ra chậm chạp không trọn vẹn, biểu tượng nghèo nàn, giáo điều, hoạt động tư duy diễn ra chậm và máy móc, thiếu tính logic. Trong các hoạt động, trẻ không tham gia, hoặc tham gia một cách rất bị động; trẻ cũng gặp rất nhiều khó khăn trong các hoạt động tự phục vụ.

Về lĩnh vực học tập, xu thế chung trên thế giới hiện nay là thực hiện giáo dục hoà nhập cho mọi trẻ em. Tuy nhiên, trong lớp học hoà nhập HS mù cùng với các trẻ em khác học chung một chương trình, vì vậy, tất cả các HS phải đạt được các mục tiêu giáo dục chung, các kiến thức và kĩ năng nhất định theo chương trình khung đã được ban hành. Mục tiêu chính trong chương trình giáo dục tiểu học là hình thành và rèn luyện 5 kĩ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết và tính toán, trên cơ sở đó, trẻ lĩnh hội các tri thức khoa học, các kĩ năng xã hội và kĩ năng sống. Nhưng do sự suy giảm đáng kể hoặc mất hoàn toàn thị lực trẻ mù gặp rất nhiều khó khăn trong học tập đặc biệt là các kĩ năng đọc và viết.

Nhằm hạn chế những khiếm khuyết do tật mù gây ra nhà sinh lí học người Nga I.M. Setrenov đã xác định được cơ chế thay chức

năng của thị giác bằng xúc giác kết hợp với các giác quan khác. Ông cho rằng bằng sự phát triển của xúc giác kết hợp với thính giác có thể thay thế được hầu hết các chức năng của thị giác trong các hoạt động học tập và đời sống của trẻ mù. Như vậy, để trẻ mù có thể học hoà nhập có hiệu quả trong trường hoà nhập cần phải có các biện pháp sự phạm tác động một cách đồng bộ thì trẻ mù mới có thể hoàn thành được chương trình giáo dục phổ thông hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện và hoà nhập cộng đồng.

2. Các biện pháp sự phạm nhằm nâng cao kết quả học tập và phát triển toàn diện cho HS mù ở cấp tiểu học

Các biện pháp sự phạm thực hiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện và hoàn thiện nhân cách của trẻ mù, đảm bảo trẻ mù nhận thức đúng về tự nhiên và xã hội, đảm bảo cho trẻ có khả năng sống độc lập và hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng.

- Các biện pháp thực hiện hướng đến việc HS mù hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học như mọi HS sáng cùng độ tuổi và đạt được "Mức yêu cầu cần đạt" về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và tính toán của Chương trình.

- Đảm bảo sự phù hợp với khả năng nhận thức, con đường tri giác và tiếp nhận thông tin của trẻ mù; phù hợp với mức độ phát triển và đặc điểm giao tiếp ngôn ngữ của trẻ mù; phù hợp với khả năng tư duy ngôn ngữ của trẻ mù theo từng độ tuổi.

- Đảm bảo tính hợp lí, liên tục và tăng dần độ khó, độ phức tạp và đa dạng của các kí hiệu cũng như những yêu cầu về ngữ âm, ngữ pháp và các quy tắc sử dụng kí hiệu nổi.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, những kiến thức đã có của giáo viên và HS, khắc

phục những mặt hạn chế, những thói quen xấu hoặc không phù hợp của HS trong quá trình dạy HS mù học đọc, viết.

2.1. Biện pháp hình thành kỹ năng đọc, viết kí hiệu Braille

Cũng như dạy HS sáng mắt, dạy môn tiếng Việt cho HS mù là hướng vào mục tiêu rèn luyện 4 kỹ năng cơ bản: kỹ năng nói, kỹ năng nghe, kỹ năng đọc và kỹ năng viết.

Trước khi vào học lớp 1 (Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học), mọi HS sáng mắt (HSSM) đã được làm quen với chữ cái và tập đánh vần thông qua chương trình Giáo dục Mầm non, hoặc các em được trực tiếp quan sát từ cuộc sống, như thông qua các phương tiện nghe nhìn trên truyền thông đại chúng, qua sách báo và qua các quảng cáo... Còn HS mù (HSM), do mất hoàn toàn hoặc giảm đáng kể thị lực, các em không còn khả năng quan sát bằng mắt những hiện tượng và hình ảnh từ môi trường xung quanh và phần lớn HSM trước khi vào lớp 1 chưa từng được can thiệp sớm cũng như được tham gia chương trình Giáo dục Mầm non. Vì vậy, nhiều HSM có thể hoàn toàn chưa có khái niệm chữ, chữ viết, chữ nổi... khi đến trường Tiểu học, hiện nay HSM trong trường học tiếp thu kiến thức thông qua hệ thống chữ nổi Braille.

Hệ thống kí hiệu chữ nổi Braille có cấu trúc đặc biệt rất khác với các nét chữ in bình thường. Hệ thống này sử dụng các chấm nổi và các ô Braille. Các kí hiệu được hình thành bằng cách thay đổi vị trí và số lượng các chấm nổi trong mỗi ô Braille (mỗi ô có tối đa 6 chấm). Trẻ phải đọc bằng cách dùng tay sờ vào các "con chữ" đó. Các ô chữ Braille đều có kích thước như nhau: 4,5 x 7,5mm, các chấm nổi đều có tiết diện đáy ~ 1,1mm và cao 1mm - đây là kích cỡ khá nhỏ so với lứa tuổi trẻ khi các em chưa phát triển đầy đủ các kỹ năng vận động tinh. Theo đánh giá chung, trẻ mù học đọc và viết kí hiệu chữ nổi Braille khó hơn nhiều so với trẻ bình thường học chữ in (chữ phổ thông). Thực tế quan sát tại các trường dạy trẻ mù cho thấy ở các trường hội nhập và hoà nhập mà sau giờ học chính khoá, trẻ mù được quay về Hội người mù và có chế độ kèm cặp riêng thì trẻ có tốc độ đọc, viết đạt mức 50-60% so với yêu cầu của của Bộ, còn đối với

các trường không có thời gian chuẩn bị tốt cho các em và không có lịch học ngoài giờ học chính khoá thì tốc độ đọc, viết của các em còn kém hơn. Như vậy, trẻ sẽ không thể theo kịp được các tiến độ của giờ học và có thể còn làm ảnh hưởng đến các bạn khác và cả lớp học.

Trong Chương trình giáo dục Mầm non và những năm đầu cấp của Tiểu học, HSSM được làm quen với chữ cái và tiếng Việt, được quan sát và sử dụng những bộ lô tô chữ có kính thước lớn giúp trẻ dễ quan sát và dễ dàng thao tác với các hoạt động học tập như: nhận mặt chữ, ghép vần, phát âm... Kích cỡ của các bộ chữ cũng đã được nhiều nhà sư phạm nghiên cứu và các bộ chữ cũng đã được sản xuất hàng loạt phù hợp với từng giai đoạn phát triển của các em, giúp các em sử dụng rất hiệu quả.

Với HSM phải sử dụng hệ thống kí hiệu Braille, chúng ta thấy một số vấn đề sau:

a) Một ô chữ Braille có kích cỡ là 4,5mm x 7,5mm, các chấm nổi đều có tiết diện đáy ~ 1,1mm và cao 1mm - đây là kích cỡ khá nhỏ đối với HS của đầu cấp Tiểu học (đặc biệt là sờ bằng tay).

b) Để "viết" được chữ nổi thì chúng ta phải tạo nên được các chấm lõm của mặt giấy bên này khi viết và khi đọc chúng ta phải lật ngược tờ giấy lại và đọc các chấm nổi được tạo nên của mặt giấy bên kia - đây là thao tác khá "nặng nhọc"; Khi viết thì từ phải sang trái và khi đọc thì đọc từ trái sang phải. Như vậy, vị trí các chấm sẽ bị đảo ngược khi viết và khi đọc, điều đó là quá khó đối với trẻ em đầu cấp tiểu học và nó khó cả với người lớn khi mới làm quen với chữ Braille.

c) HSM có thể nhìn thấy chữ viết ở khắp mọi nơi, mọi lúc, điều đó tạo cơ hội cho các em được rèn luyện thường xuyên để ghi nhớ và tái hiện các nét chữ cũng như luyện tập cách ghép vần và phát âm. Còn đối với trẻ mù thì chỉ cái gì chạm vào tay trẻ, trực tiếp tác động lên các giác quan của trẻ, trẻ mới có khả năng tri giác. Đặc biệt, các kí hiệu Braille thì hầu như không có để trẻ được luyện tập.

Các bước thực hiện

2.1.1. Bước một. Hướng dẫn HSM làm quen với chữ Braille bằng thanh Braille

Ô chữ Braille nguyên bản là quá nhỏ để trẻ



mũ tri giác bằng xúc giác. Cho nên, phải thiết kế các thanh cảm Braille có các kích cỡ khác nhau từ to đến nhỏ và tiến dần tới kích cỡ của ô chữ nguyên bản. Giai đoạn 1 cho trẻ sử dụng thanh cảm Braille có kích cỡ ô chữ là: 2,8 x 5 (cm); giai đoạn 2 kích cỡ ô chữ là: 1,9 x 3,5 (cm) và giai đoạn 3 là: 1,2 x 2 (cm).

Quá trình này vừa rèn luyện khả năng tri giác xúc giác, rèn luyện kỹ năng định hướng không gian, vừa cho trẻ làm quen với các tổ hợp kí hiệu Braille và các kí tự Braille.

k	l	m	n	o	p	q	r	s	t
k: 13	l: 123	m: 134	n: 1345	o: 135	p: 1234	q: 2345	r: 1235	s: 234	t: 2345

2.1.2. Bước 2: Ghi nhớ kí hiệu, kí tự Braille

Trong Chương trình mầm non thì trẻ làm quen từ những kí tự có cấu tạo đơn giản, dễ phát âm, có thể ghép thành những vần, từ gần gũi quen thuộc với trẻ. Chương trình Tiểu học được bắt đầu với chữ “e” với ý tưởng chữ “e” ghép với chữ “b” sẽ tạo thành từ “bé” chủ thể của quá trình học, tiếp theo với chủ đề: “Bé đến trường”, “Bé vào lớp”, “Bé học bài”... Chương trình được tiếp tục mở rộng theo các chủ đề đồng tâm và trẻ sẽ được học hết toàn bộ các chữ cái. Chương trình được thực hiện trên cơ sở trẻ đã được làm quen với toàn bộ chữ cái và dấu thanh trong Chương trình giáo dục Mầm non.

Tuy nhiên, do cấu trúc đặc biệt của kí hiệu Braille, cũng như trường tri giác xúc giác có hạn chế nhất định mà biện pháp giới thiệu và làm quen chữ cái – kí hiệu nổi phải được thực hiện theo cách khác. Biện pháp ở đây chúng tôi đưa ra là trẻ làm quen và ghi nhớ toàn bộ các chữ cái, dấu thanh và chữ số trước khi học ghép vần.

Cách tiến hành

> Ghi nhớ theo cấu trúc:

Giới thiệu với trẻ 10 chữ cái đầu tiên (còn gọi là 10 chữ cái của dòng cơ bản – hay dòng thứ I), gồm: a, b, c, d, e, g, f, h, i, j.

Dòng thứ I

A	b	c	d	e	f	g	h	i	j
a: 1	b: 12	c: 14	d: 145	e: 15	f: 124	g: 1245	h: 125	i: 24	j: 245

Phân tích cấu trúc của 10 chữ cái trên, chúng ta thấy: Tất cả các chấm nổi để tạo thành các chữ trên đều nằm trên hàng ngang thứ nhất và hàng ngang thứ hai.

Đây là 10 chữ cái có tần suất sử dụng rất lớn nên phải yêu cầu HS ghi nhớ ngay từ đầu và ghi nhớ theo đúng thứ tự alphabet.

Sau khi trẻ ghi nhớ được 10 chữ cái trên, chúng ta tiếp tục giới thiệu 10 chữ cái tiếp theo: “k, l, m, n, o, p, q, r, s, t”.

Dòng thứ II

Phân tích cấu trúc dòng II chúng ta thấy: các ô theo thứ tự từ 1 đến 10 của dòng II chỉ khác dòng I một chấm số 3. Như vậy, khi đã nhớ được 10 chữ cái đầu tiên rồi, thì trẻ dễ dàng nhớ được 10 chữ cái tiếp theo bằng cách thêm vào mỗi ô một chấm số 3. Trong phần này do trẻ mù không có khả năng nhìn bao quát vì vậy chúng ta cần rút ra từng cặp chữ để trẻ tự phân tích và so sánh. Sau đó cho trẻ tự đưa ra kết luận. Ví dụ, cặp chữ “a – k”, “b – l”...

Giới thiệu với trẻ dòng thứ III, gồm các chữ cái: “u, v, x, y, z”

Dòng thứ III

u	v	x	y	z
u: 136	v: 1236	x: 134	y: 13456	z: 1356

Phân tích các chữ của dòng thứ 3 chúng ta thấy các chữ ở dòng thứ III chỉ khác các chữ ở các ô tương ứng dòng thứ II một chấm nổi số 6. Hay nói cách khác, với 5 chữ “k, l, m, n, o” của dòng thứ II chúng ta chỉ cần thêm chấm số 6 sẽ có 5 chữ mới, đó là: “u, v, x, y, z” của dòng thứ III này.

Trong tiếng Việt còn có một số chữ cái ghi nguyên âm và phụ âm mà ở nhiều chữ viết khác không có, như: â, ă, ê, ô, ơ, ư, đ. Với các chữ cái này chúng ta ghi nhớ bằng cách tạo thành các hình đối xứng.

<	>	!	z	?	p	r	w	t	\
ê: 126	ã: 345	đ: 2346	z: 1356	ò: 1456	p: 1234	r: 1235	w:2456	t: 2345	ư: 1256

Phân tích cấu trúc của các chữ cái trên chúng ta có những cặp đối xứng sau: ê & ã, đ & z, ô & p, r & w, t & ư; còn chữ "à": thì là chữ "a" thêm chấm số 6.

a	*
a: 1	ã: 16

Bằng biện pháp ghi nhớ kí hiệu nổi theo cấu trúc của chúng như trên, chỉ trong thời gian ngắn trẻ đã có thể ghi nhớ toàn bộ "mặt chữ". Còn theo phương pháp truyền thống trẻ học bằng cách ghi nhớ số chấm và vị trí của các chấm trong mỗi kí hiệu thì sẽ rất khó khăn và hay bị nhầm lẫn.

Tiếng Việt có 6 dấu thanh, trong đó có một thanh không dấu. Để giúp trẻ ghi nhớ dấu thanh, chúng ta áp dụng các biện pháp sau:

Ghi nhớ theo số chấm và cấu trúc: Phân tích cấu trúc của 5 kí hiệu dấu thanh: tất cả các dấu thanh đều được xây dựng trên hàng ngang thứ hai và thứ ba. Để ghi nhớ kí hiệu của các số tự nhiên chỉ cần trẻ ghi nhớ dấu báo số (3,4,5,6) #, tiếp theo ghép với 10 kí hiệu của dòng cơ bản là đã có 10 số tự nhiên. Như vậy, để ghi nhớ kí hiệu của các số tự nhiên trẻ không cần phải nhớ thêm kí hiệu mà chỉ cần ghi nhớ cách viết. Biện pháp này đã giúp trẻ tối đa khả năng ghi nhớ các kí hiệu, giúp trẻ nâng cao khả năng ghi nhớ và nâng cao tốc độ đọc, viết một cách đáng kể.

2.1.3. Bước 3: Rèn luyện kĩ năng đọc, viết

Rèn luyện kĩ năng đọc, viết giai đoạn 1

Giai đoạn bắt đầu cho trẻ tập viết những kí hiệu riêng biệt, như các chấm số 1, số 2... sau đó cho trẻ viết các tổ hợp kí hiệu có các số lượng chấm khác nhau, vị trí các chấm khác nhau.

Rèn luyện kĩ năng đọc, viết giai đoạn 2

Giai đoạn cho trẻ luyện tập đọc, viết với các kí tự - chữ cái độc lập, các từ đơn âm tiết không có dấu ghi thanh, tiếp đến các từ đa âm tiết và từ có dấu ghi thanh.

Rèn luyện kĩ năng đọc, viết giai đoạn 3

Giai đoạn này cho trẻ tập đọc, viết chính tả với các câu, đoạn văn hoàn chỉnh và yêu cầu trẻ viết đầy đủ các kí hiệu, như: báo hoa, dấu thanh, các dấu câu... Tiếp theo cho trẻ rèn luyện kĩ năng chép chính tả. Tay trái trẻ sờ các tổ hợp kí hiệu độc lập và tay phải "viết" lại (viết bằng một tay). Sau khi đã luyện tập thành thạo cho trẻ luyện tập chép chính tả với các câu, đoạn văn hoàn chỉnh đúng chính tả, đúng quy tắc trình bày văn bản.

2.1.4. Rèn luyện đọc nhanh, đọc hiểu và đọc diễn cảm

Cũng như đối với HS bình thường, khi dạy tập đọc cho HSM chúng ta phải luôn yêu cầu và hướng dẫn HS đọc: rõ ràng, mạch lạc, diễn cảm và hiểu được nội dung của bài văn...

Trẻ sáng khi đọc một đoạn hoặc bài văn, trẻ có khả năng nhìn bao quát không chỉ một dòng trẻ đang đọc mà còn thể nhìn bao quát cả đoạn văn hay cả trang giấy trẻ đang đọc. Vì vậy, trẻ dễ dàng phát hiện được các dấu câu để điều chỉnh ngữ điệu cũng như đọc diễn cảm. Với trẻ mù thì trẻ sờ đến đâu biết đến đó nên trẻ thường đọc nhát gừng và rất khó khăn khi đọc diễn cảm. Tuy nhiên, khi trẻ đã có khả năng đọc thành thạo, chúng ta vẫn có khả năng dùng một số biện pháp hướng dẫn giúp trẻ đọc được liên tục và ngắt nghỉ đúng chỗ, cụ thể là:

- Hướng dẫn trẻ mù dùng các ngón giữa và ngón áp út để phân biệt các kí hiệu thuộc một ô chữ Braille và giữa ô Braille với ô Braille.

- Hướng dẫn phân biệt các dấu thanh và dấu câu. Dấu thanh luôn được đặt đầu các chữ (trong trường hợp không có phụ âm đầu) hoặc đặt ở giữa sau phụ âm đầu trước phần vần, còn dấu câu thì luôn luôn được đặt ở ô cuối cùng của mỗi chữ. Trong trường hợp những chữ không có phụ âm đầu thì ngón trỏ trái luôn dừng lại ở kí hiệu dấu thanh, tay phải "đọc" phần vần và phát âm luôn tiếng đó. Trong trường hợp chữ có phụ âm đầu thì ngón trỏ phải cũng dừng lại ở phụ âm đầu hoặc dấu thanh (nếu có), tay phải "đọc" phần vần và ghép thành tiếng, từ...

- Khi trẻ đã đọc thành thạo thì ngón giữa và ngón thứ tư của tay phải sẽ có thêm chức năng mới đó là phát hiện trước ra các dấu thanh và dấu câu sẽ thuộc chữ nào và ở đâu để trẻ chuẩn bị hơi và ngữ điệu để có thể đọc liên tục không bị nhát gừng và ngắt nghỉ đúng chỗ, đúng ngữ điệu.

- Hướng dẫn trẻ không đọc ngay thành tiếng khi phát hiện ra các âm tiết hay tiếng mà chỉ bắt đầu phát âm khi tay đã "đọc được" một từ, ngữ hay một ý trọn vẹn. Luyện cho trẻ thói quen điều chỉnh ngữ điệu ngay khi ngón thứ tư tay phải phát hiện ra các dấu câu để phù hợp với nghĩa của câu hay đoạn văn.

Ngoài những biện pháp cụ thể như trên, cần tăng cường sử dụng các phương pháp mô tả và



diễn giải để trẻ hiểu được nội dung những gì trẻ đọc, cũng như góp phần làm tăng khả năng tư duy logic giúp trẻ nhanh chóng phán đoán được những gì trẻ sẽ đọc. Chúng ta cũng cần thông báo cho trẻ về môi trường mà trẻ tham gia giao tiếp, như: không gian, số người nghe, họ là những ai... Điều đó cũng giúp trẻ tăng cường chủ động, tự tin. Chúng ta cũng cần tăng cường cho trẻ cơ hội được luyện tập và được lắng nghe nhiều hơn các thể loại văn bản khác nhau giúp trẻ chủ động điều chỉnh các hoạt động "đọc" và đọc thành lời mình.

2.2. Biện pháp sử dụng thống kí hiệu Braille tiếng Việt viết tắt

Vận dụng các kí hiệu viết tắt ở hai mức độ I và II cho HS sử dụng trong đọc, viết môn tiếng Việt.

- Mức độ I: Kí hiệu tắt cho các phụ âm kép, nguyên âm kép hoặc các nhóm nguyên âm và cho các âm tiết có tần suất cao và có nhiều kí tự.

- Mức độ II: Kí hiệu tắt được xây dựng cho các từ, tiếng (có nghĩa) có một âm tiết, các tiếng có tần suất cao hoặc các từ, tiếng có nhiều kí tự.

Trong năm học lớp ba, giáo viên chỉ hướng dẫn HS sử dụng các kí hiệu tắt của bảng 1 và 2 của Mức độ I. Học kỳ II của lớp 4 vận dụng bảng 3 của Mức độ I và học kỳ II năm lớp bốn sử dụng kết hợp cả ba bảng của Mức độ I.

Kí hiệu viết tắt ở Mức độ II chỉ được sử dụng bắt đầu từ năm lớp 5.

Trong quá trình hướng dẫn sử dụng các bảng kí hiệu viết tắt, giáo viên phải thường xuyên nhắc nhở HS các quy tắc sử dụng để không gây nhầm lẫn. Giáo viên phải phát hiện kịp thời và nhắc HS sửa ngay những lỗi HS mắc phải hoặc quy tắc vận dụng sai.

2.3. Biện pháp Tiếp cận giáo dục cá nhân thông qua Bản kế hoạch giáo dục cá nhân

- Mỗi trẻ mù là một cá nhân riêng biệt, có điều kiện sống và sự phát triển thể chất cũng như tinh thần khác nhau, có mức độ suy giảm, thời điểm bị mất hoặc suy giảm thị lực rất khác nhau. Vì vậy, trẻ có các đặc điểm tâm lí khác nhau cũng như có các khả năng và nhu cầu rất khác nhau. Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi trẻ khiếm thị phải được tiếp cận giáo dục cá nhân và mỗi em phải được xây dựng một kế hoạch giáo dục riêng hay còn gọi là bản Kế hoạch giáo dục cá nhân.

Cách tiến hành

Bước 1. Xác định những mặt mạnh (khả năng), khó khăn (nhu cầu phát triển) và sở thích và môi trường phát triển của trẻ.

Bước 2. Xác định mục tiêu và xây dựng kế

hoạch thực hiện.

Bước 3. Tiến hành thực hiện bản kế hoạch.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện và lập kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

3. Kết luận

Trẻ mù là trẻ bị mất đi một trong những giác quan quan trọng nhất của con người. Tật mù ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động tâm lí cũng như các hoạt động trong đời sống học tập và sinh hoạt hàng ngày. Nếu trẻ mù không được hỗ trợ đặc biệt, không được xây dựng môi trường phát triển phù hợp thì trẻ mù luôn luôn là những trẻ em thiệt thòi và yếu kém nhất trong xã hội, trẻ sẽ không có cơ hội phát triển và hoàn thiện nhân cách của mình. Thực hiện công bằng trong giáo dục chính là xây dựng môi trường không rào cản, tạo cơ hội tối đa cho trẻ phát huy hết được những khả năng còn tiềm ẩn của mình.

Bằng việc thực hiện đồng bộ các biện pháp sư phạm như: tiếp cận giáo dục cá nhân thông qua bản kế hoạch giáo dục cá nhân; Hình thành kĩ năng đọc, viết chữ Braille ngay từ những ngày đầu đến trường và Sử dụng hệ thống kí hiệu Braille viết tắt thì HSM hoàn toàn có thể đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông và hoàn thành tốt các mục tiêu giáo dục cũng như có cơ hội phát triển một cách toàn diện và hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, *Mấy vấn đề cơ bản của việc dạy học tiếng Việt ở phổ thông*, Nghiên cứu Giáo dục 1/1990, Hà Nội, 1990.
2. Phạm Minh Hạc, *Tâm lí học Vygotski*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
3. Phạm Minh Mục, "Một số biện pháp hỗ trợ trẻ em mù ghi nhớ hệ thống kí hiệu Braille Việt ngữ", Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2006.
4. McComiskey A.V. (1996), *The Braille readiness skills frid: A guide to buiding a foundation for literacy*. Journal of visual impairment and Blindness (190-193).
5. Lamb G. (1996), *Beginning Braille: A whole language base strategy*, Journal of visual impairment and blindness (184-189).

SUMMARY

The author presents pedagogical steps towards blind children in inclusive primary programs; with steps like starting with the Braille; memorizing characters, signs; reading, writing drills... and measures for individual education approach through the personal plan for enhanced and all-round development of the blind pupils; realizing equity in education for disabled children in general and blind children in particular, creating maximal opportunities for the children to fully develop their potentials.